

CÔNG KHAI
THEO THÔNG TƯ 36/2017/TT-BGDĐT
NĂM HỌC 2024- 2025

Căn cứ vào Thông tư: 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017. Thông tư ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường, trường mầm non Kim An thực hiện công khai như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

2. Yêu cầu

Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm theo quy định của quy chế công khai.

II. Nội dung công khai (Từ biểu 1 đến biểu 4)

Biểu mẫu 01

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	<p>Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được</p>	<p>1. Chăm sóc, nuôi dưỡng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần. - 100% trẻ được khám sức khỏe. - 100% trẻ được cân và theo dõi biểu đồ sức khỏe. <p>Thấp còi 1,5 %</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% trẻ có khả năng vận động phù hợp theo độ tuổi, sức khỏe tốt. <p>2. Giáo dục.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 85% trẻ đạt chuyên cần - 60% có thói quen tự phục vụ phù hợp độ tuổi. - 70% nghe và hiểu được lời nói của người khác, nói được câu đơn giản. Biết diễn đạt hiểu biết thông qua câu nói đơn hoặc cử chỉ tay đưa ra, lắc đầu, gật đầu. - 75% Trẻ có hiểu biết ban đầu về bản thân, về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm phù hợp với độ tuổi. 	<p>1. Chăm sóc, nuôi dưỡng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần. - 100% trẻ được cân và theo dõi biểu đồ sức khỏe mỗi quý 1 lần, khám sức khỏe - SDD = 3 %; - 88% trẻ thích vận động và 85% trẻ có kỹ năng vận động khéo léo theo độ tuổi, sức khỏe tốt. <p>2. Giáo dục.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% trẻ mẫu giáo đạt tỷ lệ chuyên cần. - 85% Trẻ có khả năng làm được một số việc tự phục vụ phù hợp độ tuổi, thói quen, nề nếp vệ sinh. - 80% Trẻ chủ động tích cực hứng thú tham gia vào các hoạt động giáo dục, tự tin, biết bày tỏ cảm xúc và ý kiến cá nhân phù hợp với độ tuổi, mạnh dạn trong giao tiếp với những người xung quanh, lễ phép với người lớn phù hợp với độ tuổi; biết thân thiện, chia sẻ, hợp tác với bạn bè trong các hoạt động sinh hoạt, vui chơi, học tập phù hợp với độ tuổi, có ý thức về bảo vệ môi trường. - 78% trẻ hiểu được các câu nói của người khác, sử dụng được các câu nói phức tạp hơn. Biết sử dụng các câu nói lịch sự, lễ phép.
II	<p>Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện</p>	<p>100% lớp thực hiện chương trình GDMN ban hành theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình GDMN.</p>	<p>- 100% lớp thực hiện chương trình GDMN ban hành theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình GDMN.</p>
III	<p>Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 65% trẻ đạt các chỉ số đánh giá theo sự phát triển của trẻ. Trong đó: + 73% trẻ đạt lĩnh vực phát triển thể chất; + 93% trẻ đạt lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội. + 75% trẻ đạt lĩnh vực phát triển ngôn ngữ. 	<ul style="list-style-type: none"> - 88% trẻ mẫu giáo đạt các chỉ số đánh giá theo sự phát triển của trẻ. Trong đó: + 85% trẻ MG 3 tuổi, 97% trẻ MG 4 tuổi, 99% trẻ MG 5 tuổi đạt lĩnh vực phát triển thể chất. + 85% trẻ MG3 tuổi, 87% trẻ MG4 tuổi, 89% trẻ MGL đạt lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội.

	<p>+ 75% trẻ đạt lĩnh vực phát triển nhận thức.</p>	<p>+86% trẻ MG 3 tuổi, 88% % trẻ MG 4 tuổi, 89% trẻ MG 5 tuổi đạt lĩnh vực phát triển ngôn ngữ.</p> <p>+ 85% trẻ MG 3 tuổi, 87% trẻ MG 4 tuổi, 88% trẻ MG 5 tuổi đạt lĩnh vực phát triển nhận thức.</p> <p>+ 83% trẻ MG 3 tuổi, 85% trẻ MG 4 tuổi, 87% trẻ MG 5 tuổi đạt lĩnh vực phát triển thẩm mỹ.</p>
IV	<p>Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non</p>	<p>- Hỗ trợ tiền ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Tổng số tiền là 3.840.000 đồng</p> <p>Ban đại diện phụ huynh của trường đã tài trợ 2.000.000 đồng cho 10 cháu có hoàn cảnh khó khăn từ quỹ ban đại diện phụ huynh trường.</p>

Thanh Oai, ngày 28 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Biểu 02

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	196			33	47	54	62
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	196			33	47	54	62
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							1
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	196			33	47	54	62
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	196			33	47	54	62
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	196			33	47	54	62
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	196						
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	8				4	4	
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	196						
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	9				5	4	
5	Số trẻ thừa cân béo phì	196						
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	196						
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ				33			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo					47	54	62

Thanh Oai, ngày 28 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Đào Thị Phương Nghi

Biểu mẫu 03
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH OAI
TRƯỜNG MẦM NON KIM AN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	9	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	9	2,5
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	02	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	4311,5	21,6
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	3255	16,2
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	60 – 100	2,5
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	60 – 100	2,5
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	12 – 20	0,2 – 0,4
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	20 – 30	0,6 - 1
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	70	2,5
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	60	1,5 - 2
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	100	0,5
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định (bàn ghế)	100	12
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định (bàn ghế)		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	10/2	Số bộ/sân chơi (trường)

IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	5	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	2/9	
2	Máy in đen trắng	2/9	
3			

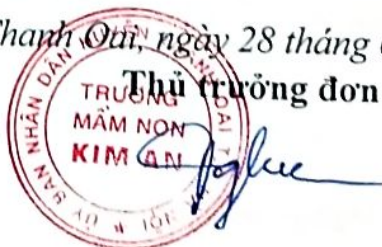
XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3		9	0,2 – 0,4	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..		

Thanh Oai, ngày 28 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Đào Thị Phương Nghi

Biểu mẫu 04

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH OAI
TRƯỜNG MẦM NON KIM AN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	32									15			
I	Giáo viên	22			21	1			14	8	13	9		
1	Nhà trẻ	6			6						3	3		
2	Mẫu giáo	16			15	1					10	6		
II	Cán bộ quản lý	2								2	2			
1	Hiệu trưởng	1			1					1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1					1	1			
III	Nhân viên	8												
1	Nhân viên văn thư	1			1									
2	Nhân viên kế toán	0												
3	Thủ quỹ	0												
4	Nhân viên y tế	1			1									
5	Nhân viên khác	6			4	2								
..	..													

Thanh Oai, ngày 28 tháng 6 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị
TRƯỜNG
MẦM NON
KIM AN
Đào Thị Phương Nghi